

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13/4/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN A, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Anh Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đức Nhuận.

2. Bà Trần Ngọc Phương.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận A tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận A, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1501/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Nhật T, sinh năm 1971; thường trú: khu phố C, phường L, thành phố (nay là thành phố) T, tỉnh B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1972; thường trú: khu phố H, phường V, thành phố (nay là thành phố) T, tỉnh B. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2019, bản tự khai ngày 15 tháng 11 năm 2019 nguyên đơn bà Trần Thị Nhật T trình bày:*

Bà Trần Thị Nhật T và ông Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Đến ngày 15 tháng 12 năm 2003 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Lái T, huyện (nay là thành phố) Thuận A, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 372/2003, quyển số 02.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau. Vợ chồng bà đã không còn sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng,

không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay bà Txác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thái Dương Q, sinh ngày 18/01/1998 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 13/10/2003.

Khi ly hôn, bà Tyêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thị Thùy D, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Thái Dương Q đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

### **Tại phiên tòa:**

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, nguyên đơn bà Trần Thị Nhật T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Nhật T và ông Nguyễn Văn M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lái T, huyện (nay là thành phố) Thuận A, tỉnh Bình Dương là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng:

Theo bà Ttrình bày thì: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tôn

trọng nhau, bà và ông M đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, bà T thừa nhận đầu năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2014 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, bà T xác định không còn tình cảm với ông M, ông M không tham gia tổ tụng, từ bỏ quyền chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thanh.

Về con chung: Bà T và ông M có 02 con chung Nguyễn Thái Dương Q, sinh ngày 18/01/1998 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 13/10/2003.

Bà T yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 13/10/2003. Xét thấy, sau khi ly thân, bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương đến nay và cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt, nhu cầu thiết yếu của con chung và điều kiện nuôi con thực tế hiện nay, cần giao cháu Dương cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung Nguyễn Thái Dương Q đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Các Điều 28, 35, 36, 39, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Nhật T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Nhật T được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.
- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 13/10/2003

cho bà Trần Thị Nhật T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Nhật T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn M phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Nhật T và ông Nguyễn Văn M đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, ông Nguyễn Văn M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

## **2. Về án phí:**

Bà Trần Thị Nhật T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0036347 ngày 05/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố (nay là thành phố) Thuận A, tỉnh Bình Dương.

## **3. Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND T.P Thuận A;
- Chi cục THA T.P Thuận A;
- Các đương sự;
- UBND phường Lái T, T.P Thuận A;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Anh Thi**